PRIMEAG **CÔNG TY TNHH PRIMEAG**
Phòng 10, Tầng Lửng, Cao ốc Đại Thanh Bình, 911-917 Nguyễn Trãi, P. Chợ Lớn, TP.HCM
MST 0318266731 · 0906 108 292 · info@primeag.vn · primeag.vn

Mã mẫu / Form No.: PAG-QA-ESD-01 Rev.03
Số biên bản / Report No.: ……
Ngày đo / Test date: …… / …… / 20……

BIÊN BẢN KIỂM TRA ĐIỆN TRỞ CHỐNG TĨNH ĐIỆN

ESD RESISTANCE TEST REPORT · theo ANSI/ESD S20.20 / IEC 61340-5-1 · ghi tay tại hiện trường / field record

Khách hàng Customer		**Số PO / HĐ** PO / Contract	
Nhà máy / địa điểm đo Plant / test location		**Người liên hệ** Contact	
Loại hàng hóa Item type (bench / trolley / rack…)		**Số lượng lô** Lot quantity	
Mã / Model Code / Model		**Kích thước (D×R×C)** Dimensions	
Bề mặt / vật liệu đo Surface / material		**Số lượng đo** Qty tested	
Máy đo / S/N Instrument / S/N		**Hiệu chuẩn đến** Calibration due	
Nhiệt độ / độ ẩm Temp. / RH (chuẩn 25±5 °C, 40–70 %)		**Điện áp thử** Test voltage	☐ 10 V ☐ 100 V

Tiêu chí / Criteria: Rtt (điểm – điểm / point-to-point) $1\times10^{6} \le R \le 1\times10^{9}$ Ω · Rtg (điểm – đất / point-to-ground) $R < 1\times10^{9}$ Ω · ☐ Tiêu chí riêng của khách / Customer spec: ……

Cách đo / Method: mỗi đơn vị đo Rtt 2 lần (2 điện cực cách ≥ 25 cm, 2 vị trí khác nhau) và Rtg 2 lần (1 điện cực tại vị trí, đầu kia nối nút/dây tiếp đất); đọc 10 V, nếu ≥ 10^{6} Ω đo lại 100 V; ghi dạng 2,5E8 = $2{,}5\times10^{8}$ Ω. / 2 Rtt + 2 Rtg readings per unit; 10 V, re-read at 100 V when ≥ 10^{6} Ω.

STT No.	Rtt – Điện trở điểm – điểm (Ω) Point-to-point		Rtg – Điện trở điểm – đất (Ω) Point-to-ground		Kết quả Result
	Lần 1 Reading 1	Lần 2 Reading 2	Lần 1 Reading 1	Lần 2 Reading 2	
1					☐ Đạt ☐ Không
2					☐ Đạt ☐ Không
3					☐ Đạt ☐ Không
4					☐ Đạt ☐ Không
5					☐ Đạt ☐ Không
6					☐ Đạt ☐ Không
7					☐ Đạt ☐ Không
8					☐ Đạt ☐ Không
9					☐ Đạt ☐ Không
10					☐ Đạt ☐ Không
11					☐ Đạt ☐ Không
12					☐ Đạt ☐ Không
13					☐ Đạt ☐ Không
14					☐ Đạt ☐ Không
15					☐ Đạt ☐ Không
16					☐ Đạt ☐ Không
17					☐ Đạt ☐ Không
18					☐ Đạt ☐ Không
19					☐ Đạt ☐ Không
20					☐ Đạt ☐ Không
21					☐ Đạt ☐ Không
22					☐ Đạt ☐ Không
23					☐ Đạt ☐ Không
24					☐ Đạt ☐ Không
25					☐ Đạt ☐ Không

Lô > 25 đơn vị: photo thêm trang này, đánh STT tiếp. / Lots > 25 units: copy this page, continue numbering.

TỔNG HỢP KẾT QUẢ *Summary of results*

	Rtt Min (Ω)	Rtt Max (Ω)	Rtg Min (Ω)	Rtg Max (Ω)
Toàn lô đo Whole tested lot				

Số đơn vị đo / Units tested: …… Đạt / Pass: …… Không đạt / Fail: …… Tỷ lệ đạt / Pass rate: …… %

STT không đạt / Failed unit No.: ……

Kiểm tra chung / General check: ☐ Vật liệu đúng / Material OK ☐ Ngoại quan OK / Appearance OK ☐ Kích thước OK / Dimensions OK ☐ Nối đất đầy đủ / Grounding OK

KẾT LUẬN & GIẢI PHÁP *Conclusion & solution*

KẾT LUẬN / CONCLUSION: ☐ ĐẠT toàn bộ – đủ điều kiện bàn giao / PASS – released ☐ ĐẠT một phần – xử lý các STT không đạt / Partial ☐ KHÔNG ĐẠT / FAIL

Nguyên nhân không đạt Root cause of failure	

Giải pháp xử lý & thời hạn Corrective action & deadline	

Kết quả đo lại sau xử lý Re-test result after correction (STT / Rtt / Rtg)	

Khuyến nghị sử dụng / bảo trì Recommendation for use / maintenance	

Ghi chú / ảnh đính kèm Remarks / photos attached (số ảnh: ……)	

Kết quả chỉ có giá trị với các đơn vị, điều kiện và ngày đo nêu trên. Vật liệu ESD nên kiểm tra lại 6 tháng/lần hoặc theo chương trình kiểm soát ESD của nhà máy. / Results apply only to the units, conditions and date stated. Re-verify every 6 months or per plant ESD control programme.

Người đo Tested by – PRIMEAG	**Kiểm tra QA** Reviewed by – QA	**Đại diện khách hàng** Customer representative	**Giám đốc PRIMEAG** Director – stamp
Họ tên / Name: ……	Họ tên / Name: ……	Họ tên / Name: ……	**Nguyễn Thị Quỳnh Như**